

SOLUTIONS FOR PROMOTING DIGITAL TRANSFORMATION IN TEACHING AT MILITARY UNIVERSITIES: A CASE STUDY OF THE POLITICAL UNIVERSITY

Tran Minh Diep

Email: trandiep112@gmail.com

The Political University
Village 2, Yen Xuan, Hanoi, Vietnam

Received: 10/12/2025

Revised: 21/02/2026

Accepted: 20/4/2026

Published: 15/7/2026

Abstract: Currently, digital transformation in teaching and learning at military universities has become an inevitable trend to meet the demand for training high-quality human resources, contributing to the building of a revolutionary, regular, elite, and modern Army. The study used multiple research methods, including practical observation, document analysis, in-depth interviews, and a quantitative survey of 200 lecturers and cadets at the Political University. The results indicate that the University demonstrates a high level of readiness in terms of awareness, responsibility, and human resources for digital transformation in teaching and learning. However, several barriers remain, including inconsistent technological infrastructure, a degree of reluctance toward innovation among some lecturers, specific regulations on information security and safety, and the lack of breakthrough changes in teaching methods. Based on the assessment of the current situation, the article proposes five major solutions: Enhancing awareness and political determination; Improving facilities and technological infrastructure; Strengthening the digital competencies of teaching staff; Reviewing and adjusting policies and management regulations; and innovating curricula, content, and teaching methods. These solutions aim to promote digital transformation in teaching and learning at the University and may also apply to other military universities.

Keywords: Digital transformation, teaching and learning, military university, The Political University.

GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG DẠY HỌC Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRONG QUÂN ĐỘI: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CHÍNH TRỊ

Trần Minh Điệp

Email: trandiep112@gmail.com

Trường Đại học Chính trị
Thôn 2, Yên Xuân, Hà Nội, Việt Nam

Nhận bài: 10/12/2025

Chỉnh sửa xong: 21/02/2026

Chấp nhận đăng: 20/4/2026

Xuất bản: 15/7/2026

Tóm tắt: Hiện nay, chuyển đổi số trong dạy học ở các trường đại học trong Quân đội là một xu thế tất yếu, đặc biệt trước nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhiệm vụ xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Kết quả nghiên cứu tài liệu, phỏng vấn chuyên sâu và khảo sát định lượng 200 giảng viên, học viên ở Trường Đại học Chính trị cho thấy: Dù có sự sẵn sàng cao về nhận thức, trách nhiệm và con người; nhưng hạ tầng công nghệ thiếu đồng bộ, tâm lý ngại đổi mới của một bộ phận giảng viên, những quy định đặc thù về bảo mật và an toàn thông tin, chưa có sự đột phá về phương pháp dạy học đang là những rào cản chuyển đổi số trong dạy học ở Nhà trường. Trên cơ sở đánh giá thực trạng, bài viết đề xuất 05 nhóm giải pháp gồm: Nâng cao nhận thức và quyết tâm chính trị; Tạo đột phá về cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ; Bồi dưỡng năng lực số cho đội ngũ; Rà soát, điều chỉnh chính sách và quy định quản lý; Đổi mới chương trình, nội dung và phương pháp dạy học nhằm thúc đẩy chuyển đổi số trong dạy học ở nhà trường và có thể vận dụng cho các trường đại học khác trong Quân đội.

Từ khóa: Chuyển đổi số, dạy học, đại học trong Quân đội, Trường Đại học Chính trị.

1. Đặt vấn đề

Cách mạng khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ số đang phát triển mạnh mẽ, tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực, trong đó có giáo dục và đào tạo. Giáo

dục và đào tạo được Đảng, Nhà nước xác định là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển đất nước và làm một trong tám lĩnh vực được ưu tiên chuyển đổi số trong Chương trình Chuyển

đổi số quốc gia. Đề án Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và Chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo nêu rõ: “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số tạo đột phá trong đổi mới hoạt động giáo dục và đào tạo. Người học và nhà giáo là trung tâm của quá trình chuyển đổi số” (Thủ tướng Chính phủ, 2022). Nghị quyết của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo xác định: “Chuyển đổi số toàn diện, phổ cập và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong giáo dục và đào tạo” (Ban Chấp hành Trung ương, 2025). Quán triệt quan điểm của Đảng, Nhà nước, Nghị quyết số 1657/NQ-TW của Quân ủy Trung ương xác định: “Giáo dục và đào tạo là một trong những nhiệm vụ chính trị trung tâm, quan trọng hàng đầu của cấp ủy, chỉ huy các cấp; là một trong những khâu then chốt, đột phá, quyết định đến xây dựng đội ngũ cán bộ” (Quân ủy Trung ương, 2022).

Trong bối cảnh đó, chuyển đổi số trong dạy học ở các trường đại học trong Quân đội là một xu thế tất yếu, trực tiếp góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng Quân đội theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Trong thời gian qua, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng đã đề ra nhiều chủ trương, biện pháp triển khai chuyển đổi số nói chung và trong dạy học ở các trường đại học trong Quân đội nói riêng, như: Nghị quyết số 1657-NQ/QUTW về Đổi mới công tác giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng Quân đội trong tình hình mới (Quân ủy Trung ương, 2022); Nghị quyết 3488-NQ/QUTW về Đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong Quân đội (Quân ủy Trung ương, 2025); Kế hoạch số 588/KH-TM về Chuyển đổi số lĩnh vực giáo dục, đào tạo trong các nhà trường Quân đội giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 (Bộ Tổng Tham mưu, 2022), ban hành khung năng lực số cho các đối tượng,... Tuy nhiên, quá trình triển khai chuyển đổi số trong dạy học ở các trường đại học trong Quân đội đang đối mặt với nhiều thách thức. Một mặt hạ tầng công nghệ thông tin và các nền tảng dạy học số chưa thật sự đồng bộ; hệ thống quản lý học tập và kho học liệu số dùng chung còn hạn chế.

Mặc dù chuyển đổi số trong giáo dục đại học đã được nhiều nghiên cứu đề cập, song các nghiên cứu này chủ yếu tập trung vào môi trường giáo dục dân sự; còn thiếu những nghiên cứu trường hợp cụ thể trong bối cảnh các trường đại học trong Quân đội với những đặc thù về tổ chức, kỉ luật và yêu cầu bảo mật thông tin. Do đó, việc nghiên cứu thực trạng và đề

xuất các giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số trong dạy học phù hợp với đặc thù các nhà trường Quân đội là vấn đề có ý nghĩa khoa học và thực tiễn cấp thiết.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này áp dụng thiết kế nghiên cứu trường hợp với phương pháp hỗn hợp:

Phương pháp nghiên cứu tài liệu: Căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu, tác giả tiến hành thu thập, phân tích và tổng hợp các văn bản, nghị quyết, kế hoạch của Đảng, Nhà nước, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng và các tài liệu khoa học liên quan đến chuyển đổi số trong giáo dục đại học. Việc nghiên cứu tài liệu nhằm xây dựng cơ sở lí luận, xác định các tiêu chí đánh giá và làm căn cứ so sánh, đối chiếu trong quá trình phân tích kết quả nghiên cứu.

Phương pháp quan sát thực tiễn: Tác giả tiến hành quan sát trực tiếp một số hoạt động dạy học có ứng dụng công nghệ thông tin và các điều kiện hạ tầng phục vụ chuyển đổi số tại Nhà trường như: Hệ thống LMS, phòng học đa phương tiện, phòng máy tính, thư viện điện tử và việc khai thác các phương tiện dạy học số trong quá trình dạy học

Phương pháp nghiên cứu sản phẩm giáo dục: Tác giả tiến hành phân tích một số sản phẩm dạy học của giảng viên như bài giảng điện tử, học liệu số, giáo trình số hóa và các tài liệu phục vụ dạy học nhằm đánh giá mức độ ứng dụng công nghệ số trong hoạt động giảng dạy.

Phương pháp nghiên cứu định lượng: Nghiên cứu sử dụng bảng hỏi với thang đo Likert 5 mức. Bảng hỏi dành cho giảng viên gồm 22 mục, tập trung vào bốn nhóm năng lực số: Năng lực công nghệ thông tin cơ bản; Năng lực thiết kế và triển khai giáo dục số; Năng lực bồi dưỡng học viên về ứng dụng công nghệ số; Năng lực giao tiếp và cộng tác trong môi trường giáo dục số (Uerz, 2021). Bảng hỏi dành cho học viên gồm 15 mục, tập trung vào mức độ sử dụng, sự tự tin và nhu cầu đối với các hoạt động dạy học số.

Mẫu khảo sát được lựa chọn ngẫu nhiên gồm 200 người, trong đó có 100 giảng viên và 100 học viên năm thứ hai, thứ 3, thứ 4 đang học tập và công tác tại nhà trường.

Quy định cách tính và diễn giải thang đo: Giá trị trung bình của các biến được tính theo thang Likert 5 mức. Khoảng điểm được xác định theo công thức:

$$\text{Khoảng điểm} = \frac{\text{Giá trị lớn nhất} - \text{Giá trị nhỏ nhất}}{\text{Số mức}}$$

Theo đó:

Khoảng điểm	Mức độ đánh giá
1,00 - 1,80	Rất thấp
1,81 - 2,60	Thấp
2,61 - 3,40	Trung bình
3,41 - 4,20	Khá
4,21 - 5,00	Cao

Phương pháp xử lý và phân tích dữ liệu: Dữ liệu khảo sát được xử lý bằng phần mềm SPSS. Các phương pháp thống kê được sử dụng gồm:

Thống kê mô tả (giá trị trung bình, tần suất, tỉ lệ phần trăm) để phản ánh thực trạng;

Thống kê suy luận (kiểm định ANOVA) nhằm so sánh sự khác biệt về năng lực số giữa các nhóm giảng viên theo độ tuổi và thâm niên công tác.

Kết quả phân tích dữ liệu được sử dụng làm cơ sở để đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số trong dạy học tại Nhà trường.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Mô tả trường hợp nghiên cứu

Trường Đại học Chính trị (Trường Sĩ quan Chính trị) là cơ sở đào tạo đại học, sau đại học và hợp tác đào tạo quốc tế, cung cấp đội ngũ sĩ quan chính trị cấp phân đội, giảng viên khoa học xã hội và nhân văn, cán bộ nghiên cứu khoa học trình độ đại học, sau đại học và nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn, góp phần xây dựng Quân đội, xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa.

Giai đoạn 2023-2025, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết, kế hoạch của cấp trên, Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường đã xác định chuyển đổi số là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo. Nhà trường đã thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi số; ban hành các nghị quyết, kế hoạch chỉ đạo, triển khai chuyển đổi số. Nhà trường quan tâm thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền về chuyển đổi số cho cán bộ, giảng viên, học viên bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Từ năm học 2023-2024, nhà trường đã triển khai đưa nội dung chuyển đổi số vào chương trình đào tạo môn Công nghệ thông tin.

Đội ngũ cán bộ, giảng viên là những sĩ quan có bản lĩnh chính trị vững vàng; “100% có trình độ đại học trở lên, trong đó có 54,06% (Thạc sĩ = 44, 12%; Tiến sĩ = 9,93%), Phó giáo sư = 1,4%” (Đảng ủy Trường Sĩ quan Chính trị, 2025); đa số đã được bồi dưỡng trình độ cơ bản, nâng cao về ứng dụng công nghệ thông tin và tham gia khóa học “Bình dân học vụ số”, có thái độ tích cực và hào hứng với ứng dụng công nghệ

mới. Học viên có nhận thức tốt, được trang bị kỹ năng số cơ bản. Đây là nguồn nhân lực quan trọng, tạo nền tảng cho tiếp thu và triển khai các công nghệ dạy học hiện đại.

Nhà trường đã từng bước đầu tư xây dựng các phòng máy tính, phòng học đa phương tiện; trang bị đồng thời hai hệ thống mạng độc lập (Internet và mạng truyền số liệu quân sự); 100% các phòng học có trang bị máy tính, máy chiếu; 100% bài giảng có ứng dụng công nghệ thông tin; thư viện điện tử với cơ sở dữ liệu số hóa phục vụ nghiên cứu và học tập (số hóa 1805 giáo trình, tài liệu). Tuy nhiên, cơ sở hạ tầng chuyển đổi số còn thiếu về số lượng, tính đồng bộ chưa cao; Nhà trường chưa triển khai hệ thống LMS, cơ sở hạ tầng mạng nội bộ đôi lúc chưa đáp ứng được lượng truy cập lớn, tỉ lệ máy tính kết nối mạng truyền số liệu quân sự và mạng internet còn thấp (tương ứng là 28,12% và 25,62%). Bên cạnh đó, do đặc thù môi trường quân sự nên nhà trường quy định chặt chẽ về sử dụng thiết bị số cá nhân, nhất là đối với học viên; ngoài ra, tâm lý “ngại thay đổi” và kỹ năng số chưa đồng đều của một bộ phận giảng viên cũng là một rào cản cần vượt qua, chưa xây dựng kho học liệu số dùng chung, công cụ dạy học chủ yếu là các phần mềm truyền thống như PowerPoint, iSpring Suite.

3.2. Kết quả

3.2.1. Tổng quan về chuyển đổi số trong dạy học

Chuyển đổi số trong giáo dục đại học đang trở thành xu hướng quan trọng trong quá trình đổi mới giáo dục và đào tạo trên phạm vi toàn cầu. Theo Zhang (2025), Ndaba & Naidoo (2024), chuyển đổi số trong dạy học đại học là quá trình ứng dụng các công nghệ số như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, thực tế ảo... nhằm đổi mới toàn diện phương pháp giảng dạy, học tập và quản lý giáo dục, hướng tới xây dựng môi trường giáo dục linh hoạt, thông minh và cá nhân hóa. Quá trình này không chỉ dừng lại ở việc số hóa tài liệu, học liệu mà còn bao gồm việc đổi mới phương pháp giảng dạy, tổ chức hoạt động học tập và quản lý đào tạo thông qua các nền tảng công nghệ số như hệ thống quản lý học tập (LMS), học tập trực tuyến và các công cụ hỗ trợ giảng dạy hiện đại (Bùi Trọng Tài, Nguyễn Trường Sơn, 2023).

Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra vai trò quan trọng của chuyển đổi số trong giáo dục đại học. Thứ nhất, chuyển đổi số góp phần tăng cường khả năng tiếp cận và tính linh hoạt của quá trình học tập, cho phép

người học tiếp cận tri thức mọi lúc, mọi nơi thông qua các nền tảng học tập trực tuyến và các nguồn học liệu số đa dạng (Nguyễn Thị Huệ & Modern Campus, 2024). Thứ hai, chuyển đổi số giúp nâng cao chất lượng dạy học thông qua việc đa dạng hóa phương pháp giảng dạy, tăng cường tương tác giữa giảng viên và người học, hỗ trợ cá nhân hóa hoạt động học tập và đánh giá (Prosci, 2025). Thứ ba, việc ứng dụng công nghệ số còn góp phần nâng cao hiệu quả quản lý giáo dục, thông qua việc tự động hóa các quy trình quản lý, khai thác dữ liệu lớn và hỗ trợ ra quyết định trong quản lý đào tạo (Modern Campus, 2024).

Bên cạnh những lợi ích, nhiều nghiên cứu chỉ ra các rào cản và thách thức trong quá trình triển khai chuyển đổi số trong giáo dục đại học. Prosci (2025) cho rằng, rào cản phổ biến nhất là sự kháng cự về văn hóa và tâm lý của người sử dụng khi phải thay đổi thói quen làm việc truyền thống. Ngoài ra, sự thiếu hụt về năng lực số của giảng viên, hạn chế về hạ tầng công nghệ và sự thiếu đồng bộ của các hệ thống công nghệ thông tin cũng là những yếu tố cản trở quá trình chuyển đổi số (Phạm Thị Lan Phương, Trần Đức Thuận, 2025). Bên cạnh đó, các nghiên cứu cũng chỉ ra những thách thức liên quan đến bảo mật dữ liệu, quyền riêng tư và bất bình đẳng số giữa các nhóm người học (Nguyễn Thị Huệ & Modern Campus, 2024).

Đối với các trường đại học trong Quân đội, chuyển đổi số trong dạy học vừa có những điểm tương đồng với giáo dục đại học nói chung vừa có những đặc thù riêng. Một mặt, việc ứng dụng công nghệ số góp phần hiện đại hóa hoạt động giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo sĩ quan và cán bộ cho Quân đội. Mặt khác, môi trường giáo dục quân sự đặt ra những yêu cầu nghiêm ngặt về bảo mật thông tin, quản lý thiết bị số và kỉ luật tổ chức. Do đó, việc triển khai các mô hình dạy học số cần được thực hiện một cách thận trọng và phù hợp với đặc thù của nhà trường quân đội.

Từ tổng quan các nghiên cứu trong và ngoài nước có thể rút ra một số vấn đề có ý nghĩa đối với nghiên cứu này. Thứ nhất, chuyển đổi số trong dạy học là xu hướng tất yếu nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đại học, trong đó năng lực số của giảng viên đóng vai trò quan trọng trong việc triển khai các hoạt động dạy học số. Thứ hai, quá trình chuyển đổi số thường chịu tác động của nhiều rào cản về hạ tầng công nghệ, năng lực con người và cơ chế quản lý. Thứ ba, trong bối cảnh các trường đại học trong Quân đội, các rào

cản này có thể chịu ảnh hưởng thêm từ những yêu cầu đặc thù về bảo mật và quản lý thông tin.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu này sử dụng khung phân tích gồm hai nhóm yếu tố chính: 1) Năng lực số của giảng viên trong dạy học số; 2) Các rào cản đối với chuyển đổi số trong dạy học, bao gồm hạ tầng công nghệ, yếu tố con người và cơ chế quản lý trong môi trường quân sự. Khung phân tích này được sử dụng làm cơ sở để khảo sát thực trạng và đề xuất các giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số trong dạy học tại Trường Đại học Chính trị.

3.2.2. Khảo sát thực trạng

Nhận thức và cam kết của lãnh đạo, giảng viên: Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường đã nhận thức rõ tầm quan trọng của chuyển đổi số, coi đây là nhiệm vụ chiến lược để nâng cao chất lượng đào tạo, đưa vào các nghị quyết lãnh đạo và xây dựng các kế hoạch tổ chức thực hiện nhằm cụ thể hóa các chủ trương của Đảng, Nhà nước, Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng về chuyển đổi số trong dạy học. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Nhà trường nhiệm kỳ 2025-2030 xác định: Đẩy mạnh đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đổi mới phương pháp dạy - học tích cực, trọng tâm là kĩ năng sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại của đội ngũ giảng viên (Đảng ủy Trường Sĩ quan Chính trị, 2025); Kế hoạch phát triển chính phủ điện tử hướng tới chính phủ số trong trường Sĩ quan Chính trị năm 2022, định hướng đến năm 2025 đề ra chỉ tiêu: Giai đoạn 2022-2025, đưa công nghệ thông tin vào ứng dụng một cách rộng rãi trong giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học góp phần chuyển biến tích cực chuyển đổi số tại Nhà trường; Kế hoạch chuyển đổi số năm 2025 xác định nội dung đột phá “đẩy mạnh chuyển đổi số trong giáo dục, đào tạo”.

Kết quả khảo sát cho thấy, 85% giảng viên tham gia khảo sát đồng ý rằng, ứng dụng công nghệ số giúp cải thiện hiệu quả dạy học. Tuy nhiên, mức độ sẵn sàng thay đổi phương pháp giảng dạy chưa đồng đều: Chỉ 40% giảng viên cho biết họ sẵn sàng áp dụng mạnh mẽ các phương thức dạy học trực tuyến hoặc kết hợp, trong khi số còn lại tỏ ra thận trọng hoặc chưa tự tin. Một số giảng viên lớn tuổi vẫn quen phương pháp dạy học truyền thống, chưa thực sự chủ động tìm hiểu công nghệ mới. Do đó, vấn đề đặt ra là phải thống nhất nhận thức và quyết tâm trong toàn thể đội ngũ giảng viên.

Hạ tầng kĩ thuật và nền tảng số phục vụ dạy học: Qua quan sát thực tiễn và nghiên cứu báo cáo của Nhà trường cho thấy, hạ tầng công nghệ thông tin

đã được đầu tư bước đầu. Hiện nay, Nhà trường có 10 phòng học đa phương tiện và 06 phòng máy tính chuyên dùng phục vụ dạy học. 100% phòng học được trang bị máy tính và máy chiếu; hai hệ thống mạng độc lập (Internet và mạng truyền số liệu quân sự) được triển khai song song. Thư viện điện tử của nhà trường đã số hóa 1.805 giáo trình và tài liệu phục vụ học tập và nghiên cứu.

Tuy nhiên, hạ tầng công nghệ vẫn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu chuyển đổi số trong dạy học. Nhà trường chưa triển khai hệ thống quản lý học tập (LMS) và chưa hình thành kho học liệu số dùng chung. Kết quả khảo sát cho thấy, 70% giảng viên và 60% học viên đánh giá tốc độ mạng truyền số liệu quân sự chỉ ở mức trung bình, đôi khi bị chậm khi nhiều người truy cập cùng lúc. Ngoài ra, tỉ lệ máy tính kết nối mạng truyền số liệu quân sự và Internet còn thấp, tương ứng 51,5% và 19,3% (Bộ Quốc phòng, 2025), gây hạn chế trong việc khai thác học liệu số và tổ chức các hoạt động dạy học trực tuyến.

Năng lực số của giảng viên: Kết quả khảo sát 100 giảng viên (xem Bảng 1) cho thấy năng lực số của đội ngũ giảng viên nhìn chung ở mức khá với điểm trung bình chung 3,76/5. Trong đó, nhóm năng lực công nghệ thông tin cơ bản đạt 4,45, cho thấy đa số giảng viên sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng và công cụ trình chiếu. Trên thực tế, 100% bài giảng đều sử dụng PowerPoint trong quá trình giảng dạy.

Tuy nhiên, ba nhóm năng lực còn lại chỉ đạt từ 3,48 đến 3,61, cho thấy vẫn tồn tại khoảng cách giữa việc sử dụng công cụ công nghệ và khả năng vận

dụng công nghệ để đổi mới phương pháp dạy học. Quan sát thực tế ở một số khoa trong Nhà trường cho thấy số lượng bài giảng E-learning còn rất ít, việc sử dụng các phần mềm thiết kế bài giảng điện tử như iSpring Suite chưa phổ biến.

Phân tích bằng kiểm định ANOVA cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về năng lực số giữa các nhóm giảng viên theo độ tuổi và thâm niên công tác ($p < 0,05$). Nhóm giảng viên dưới 40 tuổi có mức độ tự đánh giá năng lực số cao hơn so với nhóm trên 40 tuổi.

Nhận thức và rào cản từ phía học viên: Kết quả khảo sát 100 học viên cho thấy, 100% học viên cho rằng, ứng dụng khoa học công nghệ làm cho bài học thú vị và sinh động hơn. Nhận định này được củng cố qua quan sát thực tiễn tại một số giờ học có sử dụng công nghệ số. Khi giảng viên sử dụng các phương tiện trình chiếu đa phương tiện, video minh họa hoặc hình ảnh trực quan trong bài giảng, học viên có xu hướng tập trung chú ý hơn, tích cực trao đổi và đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài học. Trong một số giờ học, việc khai thác các đoạn phim tư liệu, bản đồ số hoặc hình ảnh trực quan giúp học viên dễ hình dung bối cảnh và nội dung kiến thức, qua đó làm tăng mức độ hứng thú và khả năng ghi nhớ kiến thức. 85% học viên mong muốn tiếp cận nhiều hơn với các kho học liệu số; 90% tin rằng, việc có một hệ thống học tập trực tuyến (LMS) sẽ giúp họ chủ động hơn trong học tập và ôn luyện. Điều này cho thấy, học viên không chỉ sẵn sàng mà còn rất mong muốn có một môi trường học tập hiện đại, linh hoạt và giàu tài nguyên hơn.

Tuy nhiên, 80% học viên cho biết họ gặp khó khăn trong việc truy cập tài nguyên học tập ngoài giờ lên lớp. Nguyên nhân chủ yếu liên quan đến hạn chế về hạ tầng công nghệ và các quy định quản lý thiết bị số cá nhân trong môi trường quân sự và trong thực tế học viên.

Thực trạng chính sách và quy định quản lý: Nghiên cứu tài liệu cho thấy nhà trường đã ban hành nhiều nghị quyết, kế hoạch nhằm thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo. Tuy nhiên, các quy định cụ thể về tổ chức dạy học trên môi trường số vẫn còn hạn chế. Hiện nay, chưa có quy định thống nhất về xây dựng và quản lý học liệu số, tổ chức dạy học trực tuyến hoặc dạy học kết hợp.

Bên cạnh đó, do đặc thù môi trường quân sự với yêu cầu cao về bảo mật, an toàn thông tin và quản lý thiết bị số cá nhân, các hoạt động khai thác tài nguyên số của học viên vẫn chịu sự quản lý chặt

Bảng 1: Tổng hợp mức độ tự đánh giá năng lực số của giảng viên (thang đo Likert 5)

Nhóm năng lực	Điểm trung bình	Diễn giải
Năng lực công nghệ thông tin cơ bản.	4,45	Mức độ cao
Năng lực thiết kế và triển khai giáo dục số.	3,52	Mức độ khá
Năng lực bồi dưỡng học viên về ứng dụng công nghệ số.	3,48	Mức độ khá
Năng lực giao tiếp và cộng tác trong môi trường giáo dục số.	3,61	Mức độ khá
Trung bình cộng	3,76	Mức độ khá

chẽ. Điều này góp phần bảo đảm an toàn thông tin nhưng cũng tạo ra những ràng buộc nhất định đối với việc triển khai các mô hình dạy học số linh hoạt.

Thực trạng chương trình, nội dung và phương pháp dạy học: Qua quan sát thực tiễn và phân tích sản phẩm dạy học cho thấy, việc ứng dụng công nghệ trong dạy học hiện nay chủ yếu dừng ở mức hỗ trợ trình chiếu nội dung bài học. Các phương pháp dạy học tích cực có ứng dụng công nghệ số chưa được thực hiện rộng rãi.

Chương trình đào tạo hiện nay mới bước đầu tích hợp nội dung chuyển đổi số trong môn Công nghệ thông tin, nhưng chuẩn đầu ra về năng lực số của người học chưa được xác định rõ trong nhiều chương trình đào tạo. Điều này khiến việc phát triển năng lực học tập trong môi trường số của học viên chưa được chú trọng một cách hệ thống. Từ các kết quả khảo sát và phân tích thực tiễn có thể nhận diện một số rào cản chính đối với quá trình chuyển đổi số trong dạy học tại nhà trường: Hạ tầng công nghệ và nền tảng số chưa đồng bộ, chưa có LMS và kho học liệu số dùng chung; Năng lực số của giảng viên chưa đồng đều, đặc biệt ở các năng lực sư phạm số; Các quy định quản lý và cơ chế chính sách chưa hoàn thiện, chưa tạo điều kiện thuận lợi cho dạy học trên môi trường số; Chương trình, nội dung và phương pháp dạy học chưa thực sự thích ứng với môi trường giáo dục số.

Nhìn chung, kết quả khảo sát cho thấy nguồn nhân lực đã có sự sẵn sàng tương đối cao đối với chuyển đổi số, trong khi hạ tầng công nghệ và cơ chế quản lý vẫn là những điểm nghẽn chính cần được tháo gỡ trong thời gian tới.

3.2.3. Đề xuất giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số trong giảng dạy

Một là, tiếp tục nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận và quyết tâm chính trị. Kết quả khảo sát cho thấy, đa số giảng viên nhận thức được vai trò của chuyển đổi số, tuy nhiên mức độ sẵn sàng thay đổi phương pháp dạy học chưa đồng đều. Vì vậy, việc nâng cao nhận thức và tạo sự đồng thuận trong toàn bộ đội ngũ là điều kiện quan trọng để thúc đẩy quá trình chuyển đổi số. Nhà trường cần tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục về vai trò của chuyển đổi số thông qua các hoạt động sinh hoạt chính trị, hội thảo khoa học và các diễn đàn trao đổi chuyên môn. Đồng thời, cần xây dựng các chuyên mục truyền thông về chuyển đổi số trên các kênh thông tin nội bộ của nhà trường nhằm chia sẻ kinh nghiệm và mô hình ứng dụng hiệu quả. Bên cạnh đó, cần gắn việc triển khai

chuyển đổi số với các phong trào thi đua và tiêu chí đánh giá giảng viên, như tổ chức các mô hình “giờ học số”, “khoa số” hoặc các cuộc thi thiết kế bài giảng số. Những hoạt động này góp phần hình thành văn hóa đổi mới sáng tạo và khuyến khích giảng viên tích cực ứng dụng công nghệ trong dạy học.

Hai là, tạo đột phá về cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ. Nhằm từng bước khắc phục hạn chế về hạ tầng số, tạo nền tảng vật chất cho các hoạt động chuyển đổi số. Trước hết, Nhà trường cần ưu tiên phân bổ nguồn ngân sách để nâng cấp hạ tầng mạng (đảm bảo đồng bộ, tốc độ và an ninh, đặc biệt là nâng cấp băng thông mạng truyền số liệu quân sự từ 30Mb hiện tại lên băng thông tối thiểu 100-200Mb) để đảm bảo triển khai các dịch vụ số, đáp ứng nhu cầu truy cập số lượng lớn đồng thời. Tiếp theo, cần lựa chọn nền tảng LMS (ưu tiên mã nguồn mở như Moodle để dễ tùy biến và bảo đảm an ninh) và triển khai ở một số khoa, bộ môn có giảng viên nòng cốt về công nghệ thông tin, chuyển đổi số, tiến tới triển khai mở rộng trong phạm vi toàn Nhà trường, đảm bảo 100% cán bộ, giảng viên, học viên có tài khoản và sử dụng LMS. Song song với đó cần tăng cường hệ thống máy tính cho các đơn vị quản lý học viên đến đầu mỗi đơn vị, bảo đảm ít nhất 05 học viên/máy; tăng tỉ lệ kết nối Internet và mạng truyền số liệu quân sự. Bên cạnh đó, cần tăng cường trang bị các phần mềm hỗ trợ giảng viên trong xây dựng bài giảng E-learning, các phần mềm đa phương tiện, các công cụ trí tuệ nhân tạo hỗ trợ quá trình dạy học; đồng thời đẩy mạnh số hóa giáo trình, tài liệu theo chuẩn và đưa lên LMS để hình thành kho dữ liệu số dùng chung.

Ba là, bồi dưỡng và phát triển năng lực số toàn diện, có sự phân hóa. Nhằm thu hẹp khoảng cách năng lực số giữa các nhóm giảng viên, trang bị kỹ năng sư phạm số hiện đại, cập nhật công nghệ số mới trong giảng dạy. Nhà trường cần tổ chức các khóa tập huấn theo nhu cầu, thông qua khảo sát và thiết kế các khóa học riêng: 1) Khóa cơ bản về LMS cho toàn bộ giảng viên, học viên; 2) Khóa nâng cao về thiết kế bài giảng E-learning, kỹ năng tạo các sản phẩm đa phương tiện (video, hình ảnh, âm thanh), phương pháp đánh giá số cho các giảng viên nòng cốt. Xây dựng, phát triển lực lượng nòng cốt gồm các giảng viên trẻ, giỏi về công nghệ, tiến tới xây dựng và triển khai mô hình “Giảng viên hỗ trợ, giảng viên”. Có cơ chế khuyến khích cán bộ, giảng viên, học viên tự học nâng cao kỹ năng số. Quán triệt và triển khai thực hiện khung năng lực số cho cán bộ, học viên, giảng viên, đồng thời định kỳ tổ chức kiểm tra, đánh giá nghiêm túc, chặt chẽ.

Bốn là, rà soát, điều chỉnh chính sách và quy định quản lý. Từng bước tháo gỡ mâu thuẫn giữa yêu cầu học tập trong kỉ nguyên số và các quy định quản lý hiện hành. Nghiên cứu, điều chỉnh các quy định về sử dụng thiết bị cá nhân, cho phép học viên được tăng cường sử dụng các thiết bị số tại các khu vực được chỉ định, vào các khung giờ nhất định để phục vụ học tập, nghiên cứu. Đồng thời, xây dựng các quy định rõ ràng về dạy học trên môi trường số, phân loại mức độ bảo mật, truy cập của từng môn học, bài học, quy định về bản quyền và sở hữu trí tuệ đối với học liệu số.

Năm là, đổi mới chương trình, nội dung và phương pháp dạy học. Nhằm tích hợp chuyển đổi số vào chiều sâu của hoạt động giáo dục và đào tạo tại nhà trường. Nhà trường cần rà soát, bổ sung chuẩn đầu ra về năng lực số trong các môn học phù hợp và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo. Cập nhật các nội dung về chuyển đổi liên quan đến các môn học. Khuyến khích giảng viên chuyển từ phương pháp dạy học truyền thống sang các phương pháp dạy học tích cực, lấy người học làm trung tâm, có sử dụng công nghệ số. Xây dựng hệ thống bài giảng E-learning

cho các môn học và đưa lên hệ thống LMS, giúp học viên cá nhân hóa học tập, học mọi lúc, mọi nơi. Đẩy mạnh sử dụng các công cụ đánh giá số như bài kiểm tra trực tuyến, bài tập trên hệ thống LMS để thường xuyên đánh giá quá trình học tập của học viên.

4. Kết luận

Chuyển đổi số trong dạy học ở các trường đại học trong Quân đội là tất yếu, nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng Quân đội trong tình hình mới. Đây là nhiệm vụ phức tạp, đòi hỏi một cách tiếp cận toàn diện, đồng bộ và phù hợp với đặc thù. Nghiên cứu trường hợp tại Trường Đại học Chính trị cho thấy, sự sẵn sàng về mặt con người là một tiền đề quan trọng, nhưng không thể tạo ra đột phá nếu như thiếu một nền tảng hạ tầng công nghệ vững chắc và cơ chế, chính sách quản lí linh hoạt. Việc xác định đúng “điểm nghẽn” và ưu tiên nguồn lực để từng bước khắc phục các “rào cản” về hạ tầng, chính sách và quy định quản lí; đồng thời nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đổi mới chương trình, nội dung dạy học là bước đi chiến lược, góp phần quyết định quá trình chuyển đổi số trong dạy học thành công.

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương. (22/8/2025). *Nghị quyết số 71-NQ/TW về Đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*.
- Bộ Quốc phòng. (09/01/2025). *Thông báo số 286/TB-VP kết luận của đồng chí Thượng tướng Lê Huy Vịnh, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng kiểm tra công tác chuyển đổi số và đào tạo công nghệ thông tin tại các học viện, nhà trường Quân đội*.
- Bộ Tổng tham mưu. (2022). *Kế hoạch số 588/KH-TM chuyển đổi số lĩnh vực giáo dục, đào tạo trong các nhà trường quân đội giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030*.
- Bùi Trọng Tài, Nguyễn Trường Sơn. (2023). The survey of digital transformation in education: A systematic review. *International Journal of TESOL & Education*, 3(4), pp.32-51. <https://doi.org/10.54855/ijte.23343>.
- Đảng ủy Trường Sĩ quan Chính trị. (2025). *Báo cáo chính trị trình Đại hội đại biểu Đảng bộ Trường Sĩ quan Chính trị nhiệm kì 2025 - 2030*.
- Modern Campus. (2024). *Understanding digital transformation in higher education*. Retrieved from <https://moderncampus.com/blog/digital-transformation-in-higher-education.html>.
- Ndaba, N. E. & Naidoo, G. M. (2024). Digital transformation challenges in higher education institutions post COVID-19. *Corporate Governance and Organizational Behavior Review*, 8(3), pp.54-63. <https://doi.org/10.22495/cgobrv8i3p5>.
- Nguyễn Thị Huệ. (2024). Chuyển đổi số trong giáo dục đại học - Những thách thức. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 20(06), tr.1-7. <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12410601>.
- Phạm Thị Lan Phương, Trần Đức Thuận. (2025). Chuyển đổi số để tăng cường trải nghiệm cho sinh viên - Nghiên cứu trường hợp một trường đại học sư phạm trọng điểm. *Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 70(1), tr.66-77. <https://doi.org/10.18173/2354-1075.2025-0007>.
- Prosci. (2025). *A guide to digital transformation in higher education*. Retrieved from: <https://www.prosci.com/blog/digital-transformation-in-higher-education>.
- Quân ủy Trung ương. (2022). *Nghị quyết số 1657-NQ/QUTW ngày 20 tháng 12 năm 2022 về đổi mới công tác giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu xây dựng Quân đội trong tình hình mới*.
- Quân ủy Trung ương. (2025). *Nghị quyết số 3488-NQ/QUTW ngày 29 tháng 01 năm 2025 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong Quân đội*.
- Thủ tướng Chính phủ. (2022). *Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030” (Quyết định số 31/QĐ-TTg)*.
- Uerz, D., Van Zanten, M., Van der Neut, I., Tondeur, J., Kral, M., Gorissen, P. & Howard, S. (2021). A digital competences framework for lecturers in higher education. *Utrecht: Acceleration plan Educational innovation with IT*, pp.10-11.
- Zhang, P. (2025). Leading the digital transformation of higher education: Exploration and practice at Wuhan University. *Frontiers in Digital Education*, 2(1), p.2. <https://doi.org/10.1007/s44366-0250041-3>.